

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-VKSTC ngày 22/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-VKSHY ngày 26/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện KSND tỉnh Hưng Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện KSND tỉnh Hưng Yên (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng VKSND tỉnh Hưng Yên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- VKSNDTC-C3 (báo cáo);
- Trang tin điện tử VKSND tỉnh Hưng Yên (để đăng tin);
- Lưu VT, KT.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Mai Văn Tuyên



**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC năm 2025.**

(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-VKSHY ngày 26/5/2025 của Viện trưởng VKSND tỉnh Hưng Yên)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	ĐV tính: Đồng	
				Số dự toán NSNN giao chi tiết từng đơn vị trực thuộc	Văn phòng Viện KSND tỉnh Hưng Yên
1	2	3	4=5	5	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.083.715.116	4.083.715.116	4.083.715.116	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.083.715.116	4.083.715.116	4.083.715.116	
1	Chi quản lý hành chính	4.083.715.116	4.083.715.116	4.083.715.116	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.083.715.116	4.083.715.116	4.083.715.116	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		-	-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	